

Án số: 31/2020/DS-PT

Ngày: 02 - 7 - 2020

“Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Viên

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Ông Võ Đình Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 01 và 02 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 41/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2020/QĐ-PT ngày 07/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 31/2020/QĐ-PT ngày 26/5/2020, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 720/TA-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1953; cư trú tại: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thái H là Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Thái H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Thị Kim N là Luật sư Văn phòng Luật sư Kim Ngân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công Kh , sinh năm 1945; cư trú tại: Thôn T , xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa (đã chết ngày 04/4/2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Công Kh :

1.1. Bà Nguyễn Thị Đ , sinh năm 1942; cư trú tại: Thôn T , xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

1.2. Ông Nguyễn Công Tr , sinh năm 1964; nơi cư trú: 138/8 T , phường V , thành phố N , tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

1.3. Ông Nguyễn Công B , sinh năm 1967. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

1.4. Bà Nguyễn Thị Mỹ L , sinh năm 1973. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn T , xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa.

1.5. Ông Nguyễn Công T , sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn Phú Ân Nam 1, xã Diên An, huyện D , tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

1.6. Bà Nguyễn Thị Mỹ K , sinh năm 1976. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

1.7. Bà Nguyễn Thị Mỹ L , sinh năm 1979. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn Cư Thạnh, xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa.

1.8. Bà Nguyễn Thị Mỹ T , sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn 2, xã Diên Phú, huyện D , tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

1.9. Ông Nguyễn Công T , sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn Như Xuân 1, xã Vĩnh Phương, thành phố N , tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1958. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Công Ch , sinh năm 1981. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Chánh Th , sinh năm 1984. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn T , xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa.

5. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng , sinh năm 1983; cư trú tại: Tổ 3, thôn Ph , xã Vĩnh Thạnh, thành phố N , tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Tuyết H , sinh năm 1991; cư trú tại: Ô 34, Lô 1671 đường N , xã P , thành phố N , tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc D , sinh năm 1961; Cư trú tại: Thôn T , xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc D : Bà Đặng Thị Kim N là Luật sư Văn phòng Luật sư Kim Ngân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

8. Bà Nguyễn Thụy Ngọc H , sinh năm 1993; Cư trú tại: Thôn T , xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1956; cư trú tại: Thôn T , xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 06/5/2017). Ông Nguyễn Ngọc A có mặt tại phiên tòa.

9. Bà Nguyễn Thị Mỹ H , sinh năm 1972. Vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Công Tr , sinh năm 1976. Vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã V, thành phố N , tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tranh tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Bà là con của cụ Nguyễn H (chết năm 1994) và cụ Trần Thị Ch (chết năm 2010). Cha mẹ Bà có tất cả 04 người con là ông Nguyễn Công Kh , ông Nguyễn Công H , ông Nguyễn Ngọc A và Bà. Không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch đều đã chết từ lâu.

Ông Nguyễn Công H chết năm 2013. Ông H có vợ là bà Trương Thị H và 04 người con là ông Nguyễn Công Ch , bà Nguyễn Thị Tuyết Ng , ông Nguyễn Công Thi và bà Nguyễn Thị Tuyết H . Không có con riêng, con nuôi nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Công Kh chết ngày 04/4/2018. Ông Kh có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và có 07 người con là ông Nguyễn Công Tr , ông Nguyễn Công B , ông Nguyễn Công T , bà Nguyễn Thị Mỹ L , bà Nguyễn Thị Mỹ K , bà Nguyễn Thị Mỹ L và bà Nguyễn Thị Mỹ T . Ông Kh không có con riêng, con nuôi nào khác.

Cụ Nguyễn H chết để lại di sản là thửa đất số 1187 và 1188, tờ bản đồ số 04a xã S , huyện D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 165915 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 04/4/1991. Năm 1999, vợ chồng ông Ánh được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này và đổi thành thửa đất số 567, tờ bản đồ số 02 xã S , có diện tích 3.505m². Ngày 02/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện D cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và thửa đất được đổi thành thửa đất số 397, tờ bản đồ số 05 xã S , có diện tích 3.321,6m².

Việc Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho vợ chồng ông A, bà D là không đúng pháp luật, Bà làm đơn khởi kiện và Bản án hành chính số 01/2012/HCST ngày 05/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện D đã tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Bản án này đang có hiệu lực thi hành. Trên thửa đất này hiện còn 01 căn nhà 03 gian và

04 cây dừa, 02 cây vú sữa do vợ chồng cụ H, cụ Ch tạo lập. Cụ H, cụ Ch chết không để lại di chúc.

Hiện tại vợ chồng ông A, bà D là người trực tiếp quản lý khối di sản của cụ H, cụ Ch để lại. Quá trình quản lý, sử dụng di sản, vợ chồng ông A, bà D có sửa chữa, xây dựng mới công trình vật kiến trúc và trồng cây trên đất. Đối với phần tài sản do vợ chồng ông A, bà D tạo lập trên đất, Bà không tranh chấp và yêu cầu gì. Bà xác định khi cụ H, cụ Ch chết thì các cụ không có nghĩa vụ tài sản gì đối với Nhà nước hoặc với bất cứ cá nhân, tổ chức nào. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với tài sản của cụ H, cụ Ch để lại nêu trên theo pháp luật và có nguyện vọng nhận bằng hiện vật.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ông là con của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch. Về thời gian cha, mẹ chết, họ và tên các người con của cha, mẹ; thời gian ông Nguyễn Công H chết, họ tên vợ và các con của ông H; thời gian ông Nguyễn Công Kh chết, họ tên vợ và các con của ông Kh đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông Kh còn có 03 con riêng là ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Công Tr. Cha, mẹ của cụ H, cụ Ch đã chết từ lâu.

Nguồn gốc thửa đất hiện nay mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là của ông bà để lại cho cụ Nguyễn H sử dụng theo hình thức “truyền tử, lưu tôn”. Trên thửa đất này vợ chồng cụ H, cụ Ch có tạo lập một căn nhà và một số cây trồng trên đất. Cụ H chết không để lại di chúc. Năm 1995, gia tộc họp thỏa thuận giao nhà đất trên cho vợ chồng Ông quản lý, sử dụng và Ông có trách nhiệm chăm sóc cụ Ch và cúng giỗ ông bà. Năm 1996, vợ chồng Ông chuyển đến nhà đất này sinh sống cùng cụ Ch. Khoảng năm 1997 – 1998, vợ chồng Ông có tiến hành sửa chữa lại phần nhà trên (nhà 03 gian), phá bỏ và xây dựng mới phần nhà dưới và sau đó xây dựng các công trình vật kiến trúc, trồng cây trên đất. Năm 1999, vợ chồng Ông đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này và đã được đổi thành thửa đất số 567, tờ bản đồ số 02 xã S, có diện tích 3.505m². Năm 2010, Ủy ban nhân dân huyện D tiến hành đo đất và thửa đất này được đổi thành thửa đất số 397, tờ bản đồ số 05 xã S, có diện tích 3.321,6m². Năm 2010, cụ Ch chết có để lại Tờ Di chúc đề ngày mùng 4 tháng 10 năm Bính Tý với nội dung để lại tài sản cho Ông. Quá trình sử dụng đất Ông đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước. Năm 2012, Tòa án nhân dân huyện D có Bản án hành chính số 01/2012/HCST tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp cho vợ chồng Ông. Ông đã giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Văn phòng đăng ký đất đai huyện D.

Hiện tại, vợ chồng Ông là người trực tiếp quản lý nhà đất tại thửa 397 tờ bản đồ số 05 xã S, huyện D. Ông xác định tài sản trên đất mà cụ H, cụ Ch tạo lập hiện chỉ còn lại phần nhà 03 gian và 01 cây dừa lão. Còn phần nhà, công trình vật kiến trúc, cây trồng khác có trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2019 đều là tài sản của vợ chồng Ông tạo lập.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn vì đất có nguồn gốc là của ông bà để lại theo hình thức truyền tử lưu tôn nên không được chia. Đồng thời trước đây bà Bích khởi kiện chia thừa kế đã được Tòa án các cấp xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và sau đó bà Bích rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nên nay bà Bích không có quyền khởi kiện lại.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1. Ông Nguyễn Công Kh trình bày:

Ông là con của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch. Về thời gian cha mẹ chết, họ tên các con của cha mẹ, thời gian ông Nguyễn Công H chết, họ tên vợ và các con của ông H đúng như nguyên đơn trình bày.

Nguồn gốc thửa đất số 379, tờ bản đồ số 05 xã S hiện nay là của cụ H và cụ Ch để lại, được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991. Căn nhà cấp 4 trên đất là do cụ H, cụ Ch tạo lập. Sau khi cụ H chết, vợ chồng ông A, bà D có sửa chữa lại phần nhà 03 gian, phá bỏ phần nhà dưới và tiến hành xây mới có hiện trạng như hiện nay. Sau khi cụ Ch chết, vợ chồng ông Ánh tiếp tục làm một số công trình, vật kiến trúc trên đất, cụ thể nào thì Ông không rõ. Cụ H, cụ Ch chết không để lại di chúc. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế của cha mẹ theo pháp luật của nguyên đơn. Ông có nguyện vọng nhận thừa kế bằng hiện vật.

- *Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/4/2018, ông Nguyễn Công Kh chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Khanh: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Công B, ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Mỹ K, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:*

Ông Nguyễn Công Kh có vợ là bà Nguyễn Thị Đ. Ông Kh và bà Đ có 07 con chung là các ông, bà: Nguyễn Công Tr, Nguyễn Công B, Nguyễn Công T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ T. Ông B, ông T, bà K, bà L, bà Tr khai ông Kh không có con riêng, con nuôi. Bà Đ, bà L khai ông Kh có con riêng với người khác hay không thì không rõ. Về nội dung tranh chấp thì các ông, bà không rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Công Tr không có lời khai.

- *Ông Nguyễn Công T trình bày:*

Ông là con của ông Nguyễn Công Kh và bà Nguyễn Thị Chi, còn lý do vì sao trong giấy khai sinh của Ông đề tên cha là ông Nguyễn Công Kh và mẹ là bà Nguyễn Thị Đ thì Ông không rõ. Theo lời của bà Chi kể lại thì năm 1970, giữa ông Kh và bà Chi quen biết và phát sinh tình cảm với nhau, nhưng vì lúc này ông Kh đã có vợ là bà Nguyễn Thị Đ nên giữa ông Kh và bà Chi chỉ qua lại với nhau mà không có đăng ký kết hôn, không tổ chức cưới hỏi. Khi bà Chi sinh Ông thì có thể là để được hưởng chế độ quân nhân nên ông Kh làm giấy khai sinh cho Ông và khai là con bà Đ. Thực tế từ nhỏ cho đến khi lập gia đình Ông sống cùng với mẹ là bà Chi tại xã Vĩnh Phương, thành phố N. Khi ông Kh còn sống, thỉnh thoảng Ông và ông Kh có đến thăm nhau. Việc Ông là con riêng của

ông Kh thì bà Đ và các con của bà Đ đều biết. Ngoài Ông thì giữa ông Kh và bà Chi còn có 02 người con khác là bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Công Tr .

Về nội dung vụ án Ông không rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Ông được hưởng phần thừa kế của ông Nguyễn Công Kh thì có nguyện vọng nhận bằng giá trị.

2. Các ông, bà Trương Thị H , ông Nguyễn Công Ch , bà Nguyễn Thị Tuyết Ng , ông Nguyễn Công Thi và Nguyễn Thị Tuyết H trình bày:

Ông Nguyễn Công H (sinh năm 1951, chết năm 2013) là con của cụ Nguyễn H (chết năm 1994) và cụ Trần Thị Ch (chết năm 2010). Ông H có vợ là bà Trương Thị H và có 04 người con là ông Nguyễn Công Ch , bà Nguyễn Thị Tuyết Ng , ông Nguyễn Công Thi và bà Nguyễn Thị Tuyết H . Ông H không có con nuôi, con riêng nào khác.

Thửa đất 397, tờ bản đồ số 5 xã S và căn nhà cấp 4 trên đất là tài sản của cụ H và cụ Ch để lại. Nguồn gốc thửa đất này cụ thể thế nào thì không rõ. Khi cụ H chết, vợ chồng ông A, bà D về sống với cụ Ch một thời gian, nhưng do bà Diệp mâu thuẫn với cụ Ch nên sau khi ở được khoảng 01 năm thì vợ chồng ông Ánh về lại nhà riêng sinh sống, đến khi cụ Ch chết thì quay lại sinh sống trên thửa đất này cho đến nay. Quá trình sinh sống trên đất, vợ chồng ông Ánh có sửa chữa và xây dựng nhà mới, làm thêm một số công trình vật kiến trúc, còn cụ thể như thế nào thì không rõ. Ngoài ra, khi còn sống cụ H, cụ Ch có trồng cây trên đất nhưng hiện tại còn hay không thì không rõ. Cụ H, cụ Ch chết không để lại di chúc. Các ông bà đồng ý với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn. Trường hợp được hưởng thừa kế, bà Hảo, bà Nga, ông Thi, bà Hạnh xin nhận bằng giá trị; ông Chánh xin nhận bằng hiện vật. Tại phiên tòa ngày 14/11/2019, chị Nga khai hiện đã có nơi cư trú ổn định nhưng xin nhận bằng hiện vật.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Ngọc A. Quá trình vợ chồng Bà sinh sống, tạo lập tài sản trên thửa đất 397 tờ bản đồ số 5 xã S , huyện D đúng như ông Ánh trình bày. Bà thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông Ánh. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4. Ông Nguyễn Ngọc A là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thụy Ngọc H trình bày:

Bà Nguyễn Thụy Ngọc H là con của ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D . Hiện chị H hiện đang sinh sống cùng với cha mẹ tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 5 thôn T , xã S . Quá trình sinh sống, chị H không tạo lập tài sản gì trên đất.

5. Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Công Tr trình bày:

Ông, Bà là con của ông Nguyễn Công Kh và bà Nguyễn Thị Chi. Do ông Kh đã có vợ là bà Nguyễn Thị Đ nên giữa ông Kh và bà Chi chỉ qua lại với

nhau mà không có đăng ký kết hôn, không tổ chức cưới hỏi. Cũng vì lẽ đó mà trong giấy khai sinh của Ông, Bà chỉ ghi tên mẹ là bà Nguyễn Thị Chi, còn phần tên cha để trống, không ghi. Từ khi Ông, Bà còn nhỏ cho đến khi lập gia đình thì Ông, Bà sống cùng với mẹ là bà Chi tại xã Vĩnh Phương, thành phố N . Khi ông Kh còn sống, thỉnh thoảng Ông, Bà và ông Kh có đến thăm nhau. Việc Ông, Bà là con riêng của ông Kh thì bà Đ cùng các con của bà Đ đều biết. Từ trước đến nay, Ông, Bà chưa làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác nhận ông Kh là cha đẻ của Ông, Bà. Ngoài Ông, Bà thì giữa ông Kh và bà Chi còn có người con chung nữa là ông Nguyễn Công T .

Về nội dung vụ án, Ông, Bà không rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp, Ông, Bà được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Công Kh thì có nguyện vọng nhận bằng giá trị.

- *Những người làm chứng trình bày:*

1. Bà Nguyễn Thị Hải Duyên trình bày:

Bà là con của ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D . Trước đây Bà có sinh sống cùng với cha mẹ tại thửa đất số 397 tờ bản đồ số 05 thôn T , xã S , huyện D . Năm 2014, Bà lập gia đình và chuyển đến sinh sống tại thôn Bến Khế, xã K, huyện K cho đến nay. Quá trình sinh sống, Bà không có đóng góp, tạo lập tài sản gì trên đất. Bà không có liên quan gì đến vụ án.

2. Ông Trương Văn L trình bày:

Ông là cháu ruột của cụ Nguyễn Hiền. Ngày mùng 04 tháng mười năm Bính Tý, cụ Trần Thị Ch có nhờ Ông viết hộ di chúc có tựa đề “Tờ di chúc” được viết trên giấy vở học sinh với nội dung cụ Ch cho ông Nguyễn Ngọc A nhận từ đường hưởng hỏa. Sau khi viết xong Ông đưa tờ di chúc cho cụ Ch giữ. Việc cụ Ch có ký vào tờ di chúc hay không thì Ông không rõ. Vào thời điểm cụ Ch nhờ Ông viết di chúc chỉ có Ông và cụ Ch , ngoài ra không có ai khác. Tại phiên tòa ngày 14/11/2019, Ông khai tại tờ di chúc được lập năm Bính Tý nhưng do thời gian đã lâu nên Ông không nhớ chính xác là năm nào.

3. Bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Năm 1970, Bà và ông Kh quen biết và nảy sinh tình cảm với nhau. Do lúc này ông Kh đã có vợ là bà Đ nên Bà và ông Kh không đăng ký kết hôn, cũng không tổ chức cưới hỏi. Từ năm 1970 đến năm 1973, ông Kh đi lính tại Buôn Mê Thuột, Bà và ông Kh thường xuyên qua lại với nhau và giữa Bà và ông Kh có 02 người con là ông Nguyễn Công T , sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Mỹ H , sinh năm 1972. Khoảng năm 1973, Bà phát hiện giấy khai sinh của ông Nguyễn Công T đề tên cha là Nguyễn Công Kh và mẹ là bà Nguyễn Thị Đ , Bà hỏi ông Kh thì ông Kh nói khai như vậy để được hưởng chế độ quân nhân, lúc này sự việc đã rồi nên Bà không có ý kiến gì. Sau đó, Bà về lại xã Vĩnh Phương sinh sống. Năm 1975, ông Kh giải ngũ về lại xã S , huyện D sinh sống. Thỉnh thoảng Bà và ông Kh có qua lại với nhau và có thêm 01 người con là ông Nguyễn Công Tr , sinh năm 1976. Sau đó, Bà và ông Kh không còn qua lại với nhau. Do bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Công Tr không có giấy khai

sinh để đi học nên sau này Bà mới đăng ký khai sinh cho bà Hoa, ông Trường tại UBND xã Vĩnh Phương, thành phố N . Do Bà không có đăng ký kết hôn với ông Kh nên phần người cha trong giấy khai sinh của bà Hoa, ông Trường để trống. Bà xác định ông Nguyễn Công T , bà Nguyễn Thị Mỹ H , ông Nguyễn Công Tr là con của ông Nguyễn Công Kh và Bà. Bà không tranh chấp, không liên quan đến vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D , tỉnh Khánh Hòa, quyết định:

Căn cứ Điều 659 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 616, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 640, Điều 651, Điều 658, Điều 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch để lại là 02 cây vú sữa trên thửa đất 397 tờ bản đồ số 5 xã S , huyện D , Khánh Hòa.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế của nguyên đơn.

2.1. Xác định thửa đất 397, tờ bản đồ số 5 xã S , huyện D có diện tích đo vẽ thực tế 3.197,5m² (200m² đất ở, 2.997,5m² đất cây lâu năm); căn nhà 03 gian có cấu trúc: móng đá chẻ, nền gạch men, tường xây gạch dày 100+200, cột kèo gỗ, mái ngói, cửa gỗ, nhà sơn nước, tường trong nhà ốp men cao 1,3m, có diện tích xây dựng 64m² và 04 cây dừa trên đất là di sản của cụ Nguyễn Hiền, cụ Trần Thị Ch để lại chưa chia. Trong đó, thửa đất 397 tờ bản đồ số 5 xã S là của cụ Nguyễn Hiền; căn nhà 03 gian và 04 cây dừa trên đất là tài sản chung của Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch . Tổng giá trị di sản của cụ H, cụ Ch còn lại để chia thừa kế là 1.686.701.100 đồng.

2.2. Giao cho ông Nguyễn Ngọc A được quyền sử dụng một phần thửa đất số 397 tờ bản đồ số 5 xã S có diện tích 2.236,9m² (200m² đất ở, 2.036,9m² đất cây lâu năm) được ký hiệu thửa 397-2 trong bản vẽ trích đo địa chính số 2784 – 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện D ký ngày 29/11/2019. Ông Nguyễn Ngọc A được quyền sở hữu căn nhà 03 gian có cấu trúc: móng đá chẻ, nền gạch men, tường xây gạch dày 100+200, cột kèo gỗ, mái ngói, cửa gỗ, nhà sơn nước, tường trong nhà ốp men cao 1,3m, có diện tích xây dựng 64m² và 04 cây dừa trên thửa đất được giao (có bản vẽ kèm theo).

2.3. Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được quyền sử dụng một phần thửa đất số 397 tờ bản đồ số 5 xã S có diện tích 960,6m² (đất trồng cây lâu năm) được ký hiệu thửa 397-1 trong bản vẽ trích đo địa chính số 2784 – 2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện D ký ngày 29/11/2019 (có bản vẽ kèm theo).

2.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc B được sở hữu các công trình, vật kiến trúc, cây trồng trên đất được giao ký hiệu thửa 397-1 gồm: mái che tole, cột kèo gỗ tiêu chuẩn, nền đất, diện tích 42,55m²; tường rào móng đá chẻ, trụ gạch kết hợp khung sắt hình cao 1,6m, dài 18,01m; tường rào móng đá chẻ, trụ bê tông cốt thép, lưới B40 cao 1,6m, dài 67,99m; 02 cây vú sữa, 01 cây chanh, 60 cây bưởi, 05 cây dừa, 03 cây xoài, 02 cây đu đủ và 30 bụi chuối, có tổng giá trị là 46.021.300 đồng.

2.5. Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Ngọc A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được giao.

2.6. Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải thanh toán cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D chi phí cho việc bảo quản di sản là 48.033.500 đồng và thanh toán giá trị tài sản của vợ chồng ông Bích, bà Diệp có trên phần đất bà Bích được giao sử dụng là 46.021.300 đồng. Tổng cộng là 94.054.800 đồng (*Chín mươi bốn triệu không trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm đồng*).

2.7. Bà Nguyễn Thị Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Công T là 10.591.300 đồng (*Mười triệu năm trăm chín mươi một ngàn ba trăm đồng*).

2.8. Ông Nguyễn Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Trương Thị H, ông Nguyễn Công Ch, bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, ông Nguyễn Chánh Th, bà Nguyễn Thị Tuyết H mỗi người 84.335.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng*); thanh toán cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Công Kh gồm có bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Công Tr, ông Nguyễn Công B, ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Mỹ K, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Mỹ T mỗi người 46.852.800 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai ngàn tám trăm đồng*); thanh toán cho ông Nguyễn Công T 36.261.500 đồng (*Ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi một ngàn năm trăm đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 04/12/2019, bị đơn ông Nguyễn Ngọc A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn kháng cáo đối với toàn bộ nội dung án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D giữ nguyên nội dung kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc B thừa nhận đất đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Th, Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/8/1990 của cụ Nguyễn H, thể hiện nguồn gốc đất của cha Nguyễn Văn Th để lại từ lâu (không có giấy tờ), cụ Nguyễn Th không để lại di chúc, không có giấy tờ cho cụ Nguyễn H nên diện tích đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Th. Thời hiệu

chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Th vẫn còn, nếu chia thừa kế của cụ Nguyễn Th thì phát sinh nhiều đồng thừa kế khác. Ngoài ra, Biên bản họp mặt những người thừa kế ngày 22/10/1995 cũng thể hiện giao nhà đất tranh chấp cho ông Nguyễn Ngọc A được quyền quản lý, sử dụng và có nghĩa vụ thờ cúng ông bà, cha. Biên bản làm việc ngày 10/9/2012 của Ủy ban nhân dân xã S giải quyết đơn của cụ Nguyễn Sinh M và cụ Nguyễn Thị D có đề nghị gia đình cung cấp thêm tài liệu về nguồn gốc đất để chứng minh đây là đất của gia tộc, nhưng tại thời điểm đó, đương sự không thể yêu cầu cơ quan nhà nước cấp các tài liệu về nguồn gốc đất. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm, ông A, bà D không yêu cầu giải quyết chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc, mai táng cụ Trần Thị Ch, chi phí sửa mộ, chi phí giỗ kỵ hàng năm và xem xét lại % giá trị sửa chữa nhà 03 gian là do nhận thức của ông A, bà D hạn chế, cứ nghĩ Tòa án sẽ đình chỉ giải quyết vụ án nên không yêu cầu thanh toán các khoản chi phí nêu trên. Cấp sơ thẩm xác định đất đang tranh chấp là của cụ Nguyễn H và chia thừa kế cho các thừa kế của cụ H là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Cụ Nguyễn Th để lại đất đang tranh chấp cho cụ Nguyễn Hiền, cụ Nguyễn H đã quản lý, sử dụng diện tích đất trên từ lâu. Năm 1991, cụ Nguyễn H kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ Nguyễn H chết, ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 12 năm 2010 nhưng các con của cụ Nguyễn Th cũng không có ý kiến. Khi bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện mới có ý kiến cho rằng diện tích đất tranh chấp vẫn là tài sản của ông Nguyễn Th là không có căn cứ. Đối với yêu cầu thanh toán các chi phí của ông A, bà D tại giai đoạn xét xử theo trình tự phúc thẩm là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm. Đối với yêu cầu tăng giá trị % phần ông A, bà D đầu tư sửa chữa căn nhà 03 gian. Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản vào ngày 21/11/2019, ông Nguyễn Ngọc A có mặt, nhưng ông không có ý kiến về kết quả định giá nên không có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn H, cụ Trần Thị Ch để lại theo pháp luật là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A, bà D giữ nguyên án bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hiền, cụ Trần Thị Ch để lại theo pháp luật là có căn cứ. Về yêu cầu của ông A, bà D thanh toán các chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc, mai táng cụ Trần Thị Ch. Trong quá trình xét xử sơ thẩm ông Ánh, bà Chút không yêu cầu và cấp sơ thẩm không

xem xét giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết. Về chi phí sửa mộ, chi phí giỗ kỵ hàng năm không phải khoản chi phí liên quan đến thừa kế được thanh toán nên không xem xét. Đối với yêu cầu tăng giá trị % phần ông A, bà D đầu tư sửa chữa căn nhà 03 gian. Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản vào ngày 21/11/2019, ông Nguyễn Ngọc A có mặt, nhưng ông không có ý kiến về kết quả định giá nên không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Bích, bà Nguyễn Thị Ngọc D, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung trên.

Bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Nguyễn Ngọc A là người già, có đơn xin miễn án phí, theo quy định được miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông A, bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Công Tr, Nguyễn Công B, Nguyễn Công T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Mỹ T, Trương Thị H, Nguyễn Công Ch, Nguyễn Thị Tuyết Ng, Nguyễn Chánh Th, Nguyễn Thị Tuyết H vắng mặt (Đề nghị xét xử vắng mặt); Nguyễn Công Tàn, Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Công Tr vắng mặt (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai). Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng nhà đất tranh chấp; lời khai của cụ Nguyễn D, cụ Nguyễn T, cụ Chế S (là các vị hào lão thôn T) tại Biên bản họp gia tộc họ Nguyễn ngày 16/9/2012 (BL27 và BL508); Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/8/1990 của cụ Nguyễn H; Tờ khai gia đình của cụ Nguyễn H ngày 12/3/1960 (BL225) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Thửa đất số 1187 và 1188 tờ bản đồ số 4a T, S có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Th (Nguyễn Th). Sau đó, cụ Nguyễn Th để lại cho cụ Nguyễn H. Thực tế cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch trực tiếp quản lý, sử dụng hai thửa đất nêu trên từ lâu (trước năm 1960), xây dựng nhà, sinh sống ổn định, cụ Nguyễn H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 165915, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00116 QSDĐ/DK ngày 04/4/1991 của Ủy ban nhân dân huyện D).

[2.2] Biên bản họp mặt những người thừa kế ngày 22/10/1995, được Ủy ban nhân dân xã S xác nhận ngày 17/5/1996 (BL263), có sự chứng kiến của cụ Nguyễn Sinh M, cụ Nguyễn Thị D (là con của cụ Nguyễn Th và là cha của ông Nguyễn Sinh Đ, là mẹ của ông Lê Văn P là những người có Đơn đề nghị hủy án sơ thẩm đề ngày 20/12/2019), thể hiện: Năm 1994, ông Nguyễn H là chồng, cha

của chúng tôi chết, không để lại di chúc. Nay gia đình chúng tôi cùng họp mặt những người thừa kế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 165915 có diện tích 3.600m². Đông tây tứ cận...Nhu vậy, cụ Nguyễn Sinh M, cụ Nguyễn Thị D biết cụ Nguyễn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất có nguồn gốc của cụ Nguyễn Th để lại cho cụ Nguyễn H nhưng không có ý kiến, tranh chấp gì.

Sau khi cụ Nguyễn H qua đời, ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện D căn cứ vào Biên bản họp mặt những người thừa kế ngày 22/10/1995, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S ngày 17/5/1996 (không có chữ ký của cụ Trần Thị Ch, chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01202/QSDĐ/SH-DK ngày 31/5/1999 (Sau cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01720 ngày 02/12/2010 thửa đất số 397 tờ bản đồ 05 xã S) cho ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D. Tuy nhiên, Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2012/HC-ST ngày 05/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện D tuyên bố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông A, bà D nêu trên không có giá trị pháp lý (Bản án có hiệu lực).

Ông Nguyễn Ngọc A cho rằng, nhà đất tranh chấp là đất của tộc họ, do cụ Nguyễn Th để lại, không phải đất riêng của cụ Nguyễn H, cụ Nguyễn H giữ nhà đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên và sử dụng theo hình thức: truyền tử, lưu tôn. Ngoài tài liệu, chứng cứ là Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 18/8/1990 của cụ Nguyễn H, có thể hiện nguồn gốc chiếm dụng ruộng đất: *Đất của cha Nguyễn Văn Th để lại từ lâu (không có giấy tờ)*, Ông không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh thửa đất tranh chấp vẫn còn là tài sản của cụ Nguyễn Th và được sử dụng làm từ đường hương hỏa, truyền tử lưu tôn.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 21/11/2019, thể hiện trên đất có 04 cây dừa lão, có độ tuổi từ 40 năm đến 50 năm, nên có đủ cơ sở xác định 04 cây dừa lão là tài sản của cụ Nguyễn H và của cụ Trần Thị Ch.

Do đó, thửa đất số 397 tờ bản đồ 05 xã S (Trước là thửa đất số 1187 và 1188, tờ bản đồ số 4a). Theo kết quả đo vẽ có diện tích thực tế là 3.197,5m² (200m² đất ở và 2.997,5m² đất cây lâu năm) là tài sản của cụ Nguyễn H. Căn nhà 03 gian, diện tích 64m², 04 cây dừa lão trên đất là tài sản của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch.

[2.3] Tờ di chúc đề ngày mùng 4 tháng 10 năm Bính Tý đứng tên cụ Trần Thị Ch, có nội dung: Ông Nguyễn Ngọc A được quyền nhận từ đường hương hỏa và 04 đám biên ruộng...để sản xuất và cúng giỗ trong năm. Tờ di chúc nêu trên không thể hiện rõ di sản và nơi có di sản; không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc; không có chữ ký của người viết hộ, chữ ký của 02 người làm chứng trở lên; không được công chứng, chứng thực, nên không hợp pháp.

Cụ Nguyễn H chết năm 1994, không để lại di chúc. Cụ Trần Thị Ch chết năm 2010, ngoài tờ Di chúc đề ngày mùng 4 tháng 10 năm Bính Tý không hợp

pháp nêu trên, cụ Ch không để lại di chúc nào khác, nên di sản mà cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch để lại được chia theo pháp luật.

[2.4] Trên cơ sở các lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch có 04 người con ruột là ông Nguyễn Công Khanh, ông Nguyễn Công H, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ngọc B, không có con riêng, con nuôi nào khác. Do đó, di sản của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch để lại được chia đều cho ông Nguyễn Công Khanh, ông Nguyễn Công H, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ngọc B.

- Ông Nguyễn Công H chết năm 2013, nên vợ của ông H là bà Trương Thị H và các con là ông Nguyễn Công Ch, bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, ông Nguyễn Chánh Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Công H.

- Ông Nguyễn Công Kh chết năm 2018. Ông Kh có vợ bà Nguyễn Thị Đ và các con ruột là ông Nguyễn Công Tr, ông Nguyễn Công B, ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị Mỹ Lê, bà Nguyễn Thị Mỹ K, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Mỹ T.

Các ông bà Nguyễn Công T, Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Công Tr khai nhận là con của ông Nguyễn Công Kh và bà Nguyễn Thị Ch. Ông Nguyễn Công T có tài liệu, chứng cứ chứng minh là con riêng của ông Nguyễn Công Kh. Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Công Tr không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là con riêng của ông Nguyễn Công Kh và cũng không được bà Nguyễn Thị Đ và các con của ông Khanh, bà Đ thừa nhận, nên chỉ có căn cứ xác định ông Nguyễn Công T là con riêng của ông Nguyễn Công Kh.

Như vậy, phần thừa kế của ông Nguyễn Công Kh được hưởng được chia đều cho các ông, bà: Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Công Tr, ông Nguyễn Công B, ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị Mỹ L1, bà Nguyễn Thị Mỹ K, bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Công T.

[2.5] Theo Biên bản định giá tài sản ngày 21/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa thành lập, tài sản của cụ Nguyễn H và của cụ Trần Thị Ch để lại có giá trị:

- Giá trị quyền sử dụng đất: $(200\text{m}^2 \text{ đất ở} \times 1.500.000\text{đ/m}^2) + (2.997,5\text{m}^2 \text{ đất trồng cây lâu năm} \times 500.000\text{đ/m}^2) = 1.798.750.000 \text{ đồng}.$

- Giá trị căn nhà 03 gian là 123.603.8400 đồng. Trong đó, phần sửa chữa của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ngọc D chiếm 40% giá trị căn nhà là 49.441.536 đồng. Giá trị phần nhà là tài sản của cụ H, cụ Ch để lại là 74.162.300 đồng.

- Giá trị 04 cây dừa lão là 1.200.000 đồng.

Tổng cộng giá trị di sản cụ H, cụ Ch để lại là 1.874.112.300 đồng. *(Một tỷ tám trăm bảy mươi bốn triệu một trăm mười hai ngàn ba trăm đồng).*

[2.6] Trên cơ sở các lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D là người có công sức trong việc bảo quản, tôn tạo, giữ gìn di sản nên được thanh toán các chi phí bảo quản, tôn tạo, giữ gìn di sản 10% giá trị di sản của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Chút để lại. Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D được thanh toán: $1.874.112.300 \text{ đồng} \times 10\% = 187.411.200 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản thừa kế cho Ông, Bà, cụ thể: Chi phí nuôi và chăm sóc cụ Trần Thị Ch là 439.900.000 đồng; chi phí mai táng cho cụ Trần Thị Ch là 26.000.000 đồng; chi phí sửa mộ cha là 12.000.000 đồng; chi phí sửa 25 ngôi mộ, giỗ kỵ hàng năm và dầy mả đón xuân (24 năm) là 199.300.000 đồng. Tăng giá trị % phần ông A, bà D đầu tư sửa chữa căn nhà 03 gian.

Về chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc, mai táng cụ Trần Thị Ch . Trong quá trình xét xử sơ thẩm ông A, bà Ch cho rằng: chi phí chăm sóc mẹ là bổn phận của người làm con; chi phí mai táng cụ Ch lấy từ tiền phúng viếng khoảng mười mấy triệu đồng, nên không yêu cầu thanh toán các khoản chi phí nêu trên và cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, nên không xem xét, giải quyết. Về chi phí sửa mộ, chi phí giỗ kỵ hàng năm và dầy mả đón xuân không phải là khoản chi phí liên quan đến thừa kế được thanh toán nên không xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu tăng % giá trị phần ông A, bà D đầu tư sửa chữa căn nhà 03 gian. Khi Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá tài sản vào ngày 21/11/2019, ông Nguyễn Ngọc A có mặt và được thông báo kết quả định giá, nhưng ông không có ý kiến về kết quả định giá nên không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, giá trị tài sản của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch còn lại để chia thừa kế là $1.874.112.300 \text{ đồng} - 187.411.200 \text{ đồng} = 1.686.701.100 \text{ đồng}$.

[2.7] Giá trị phần tài sản thừa kế mỗi người thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Chút được nhận:

- Ông Nguyễn Công Kh , ông Nguyễn Công H , ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ngọc B, mỗi người được nhận: $1.686.701.100 \text{ đồng} : 4 = 421.675.200 \text{ đồng}$ (Bốn trăm hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm đồng).

- Ông Nguyễn Công H chết năm 2013 nên vợ, con của ông H được nhận phần thừa kế của ông H , cụ thể: Bà Trương Thị H , ông Nguyễn Công Ch , bà Nguyễn Thị Tuyết Ng , ông Nguyễn Chánh Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H , mỗi người được nhận: $421.675.200 \text{ đồng} : 5 = 84.335.000 \text{ đồng}$ (Tám mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Công Kh chết năm 2018 nên vợ, con của ông Kh được nhận phần thừa kế của ông Khanh, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Đ , ông Nguyễn Công Tr , ông Nguyễn Công B , ông Nguyễn Công T , bà Nguyễn Thị Mỹ L1, bà Nguyễn Thị Mỹ K , bà Nguyễn Thị Mỹ L , bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông

Nguyễn Công T, mỗi người được nhận: $421.675.200 \text{ đồng} : 9 = 46.850.800 \text{ đồng}$ (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng*).

[2.7] Về chia hiện vật

Căn cứ vào hoàn cảnh, nhu cầu nhận hiện vật và sự ổn định cuộc sống của các đương sự, hiện vật được chia cụ thể như sau:

- Chia cho ông Nguyễn Ngọc A được quyền sử dụng một phần thửa đất số 397 tờ bản đồ số 5 xã S có diện tích $2.236,9\text{m}^2$ (200m^2 đất ở, $2.036,9\text{m}^2$ đất cây lâu năm) và quyền sở hữu căn nhà 03 gian có cấu trúc: móng đá chẻ, nền gạch men, tường xây gạch dày 100+200, cột kèo gỗ, mái ngói, cửa gỗ, nhà sơn nước, tường trong nhà ốp men cao 1,3m, có diện tích xây dựng 64m^2 và 04 cây dừa trên thửa đất được chia (ký hiệu thửa 397-2. Trích đo địa chính số 2784 – 2019 ngày 29/11/2019). Tổng giá trị hiện vật ông Nguyễn Ngọc A được chia là: $(200\text{m}^2 \text{ đất (T)} \times 1.500.000\text{đ/m}^2) + (2.036,9\text{m}^2 \text{ đất (CLN)} \times 500.000\text{đ/m}^2) + 74.162.300 \text{ đồng (giá trị nhà 03 gian)} + 1.200.000 \text{ đồng (giá trị 04 cây dừa)} = 1.393.812.300 \text{ đồng}$. Ông Nguyễn Ngọc A được nhận giá trị tài sản: $421.675.200 \text{ đồng (phần thừa kế)} + 187.411.200 \text{ đồng (chi phí cho việc bảo quản di sản)} = 609.086.400 \text{ đồng}$, nên phải thanh toán phần chênh lệch cho các đồng thừa kế khác là $1.393.812.300 \text{ đồng} - 609.086.400 \text{ đồng} = 784.725.900 \text{ đồng}$.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được quyền sử dụng một phần thửa đất số 397 tờ bản đồ số 5 xã S có diện tích $960,6\text{m}^2$ (đất trồng cây lâu năm) và quyền sở hữu mái che tole, cột kèo gỗ tiêu chuẩn, nền đất, diện tích $42,55\text{m}^2$; tường rào móng đá chẻ, trụ gạch kết hợp khung sắt hình cao 1,6m, dài 18,01m; tường rào móng đá chẻ, trụ bê tông cốt thép, lưới B40 cao 1,6m, dài 67,99m; 02 cây vú sữa, 01 cây chanh, 60 cây bưởi, 05 cây dừa, 03 cây xoài, 02 cây đu đủ và 30 bụi chuối trên đất được chia (ký hiệu thửa 397-1. Trích đo địa chính số 2784 – 2019 ngày 29/11/2019). Tổng giá trị hiện vật bà Nguyễn Thị Ngọc B được chia là: $(960,6\text{m}^2 \text{ đất (CLN)} \times 500.000\text{đ/m}^2) + 46.021.300 \text{ đồng (giá trị tài sản có trên đất)} = 526.321.300 \text{ đồng}$. Bà Nguyễn Thị Ngọc A được nhận kỷ phần thừa kế là $421.675.200 \text{ đồng}$, nên phải thanh toán phần chênh lệch cho các đồng thừa kế khác là $526.321.300 \text{ đồng} - 421.675.200 \text{ đồng} = 104.646.100 \text{ đồng}$.

[2.8] Về thanh toán giá trị chênh lệch

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải thanh toán cho:

(1) Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D chi phí cho việc bảo quản di sản là $48.033.500 \text{ đồng}$ và giá trị tài sản của ông A và bà D có trên đất là $46.021.300 \text{ đồng}$. Tổng cộng là $94.054.800 \text{ đồng}$ (*Chín mươi bốn triệu không trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm đồng*).

(2) Ông Nguyễn Công T $10.591.300 \text{ đồng}$ (*Mười triệu năm trăm chín mươi một ngàn ba trăm đồng*).

- Ông Nguyễn Ngọc A phải thanh toán cho:

(1) Bà Trương Thị H , ông Nguyễn Công Ch , bà Nguyễn Thị Tuyết Ng , ông Nguyễn Chánh Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H , mỗi người 84.335.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

(2) Bà Nguyễn Thị Đ , ông Nguyễn Công Tr , ông Nguyễn Công B , ông Nguyễn Công T , bà Nguyễn Thị Mỹ L1, bà Nguyễn Thị Mỹ K , bà Nguyễn Thị Mỹ L , bà Nguyễn Thị Mỹ T , mỗi người 46.850.800 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng*).

(3) Ông Nguyễn Công T 36.261.500 đồng (*Ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi một ngàn năm trăm đồng*).

[2.9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B , ông Nguyễn Ngọc A là người già, có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí dân sự sơ và phúc thẩm cho ông Anh, án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bích.

[2.10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D . Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về chia tài sản thừa kế; sửa quyết định của bản án sơ thẩm về án phí.

Áp dụng Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 616, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 640, Điều 651, Điều 658, Điều 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B về chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn H và của cụ Trần Thị Ch .

Xác định thửa đất 397, tờ bản đồ số 5 xã S , huyện D , tỉnh Khánh Hòa, có diện tích đo vẽ thực tế 3.197,5m² (200m²: đất ở, 2.997,5m²: Đất cây lâu năm) là tài sản của cụ Nguyễn Hiền; căn nhà 03 gian, diện tích 64m², có cấu trúc: móng đá chẻ, nền gạch men, tường xây gạch dày 100+200, cột kèo gỗ, mái ngói, cửa gỗ, nhà sơn nước, tường trong nhà ốp men cao 1,3m và 04 cây dừa trên đất là tài sản chung của cụ Nguyễn H và của cụ Trần Thị Ch để lại chưa chia.

2. Giá trị phần tài sản thừa kế mỗi người thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Trần Thị Ch được nhận:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B , ông Nguyễn Ngọc A, mỗi người được nhận 421.675.200 đồng (*Bốn trăm hai mươi một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm đồng*).

- Bà Trương Thị H , ông Nguyễn Công Ch , bà Nguyễn Thị Tuyết Ng , ông Nguyễn Chánh Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H (vợ, con của ông Nguyễn Công H), mỗi người được nhận 84.335.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Đ , ông Nguyễn Công Tr , ông Nguyễn Công B , ông Nguyễn Công T , bà Nguyễn Thị Mỹ L1, bà Nguyễn Thị Mỹ K , bà Nguyễn Thị Mỹ L , bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Công T (vợ, con của ông Nguyễn Công Kh), mỗi người được nhận 46.850.800 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng*).

3. Chia hiện vật:

- Chia cho ông Nguyễn Ngọc A được quyền sử dụng một phần thửa đất số 397 tờ bản đồ số 5 xã S có diện tích 2.236,9m² (200m² đất ở, 2.036,9m² đất cây lâu năm) và quyền sở hữu căn nhà 03 gian có cấu trúc: móng đá chẻ, nền gạch men, tường xây gạch dày 100+200, cột kèo gỗ, mái ngói, cửa gỗ, nhà sơn nước, tường trong nhà ốp men cao 1,3m, có diện tích xây dựng 64m² và 04 cây dừa trên thửa đất được chia. Tổng giá trị hiện vật ông Nguyễn Ngọc A được nhận là 1.393.812.300 đồng (ký hiệu thửa 397-2. Trích đo địa chính số 2784 – 2019 ngày 29/11/2019 kèm theo).

- Chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được quyền sử dụng một phần thửa đất số 397 tờ bản đồ số 5 xã S có diện tích 960,6m² (đất trồng cây lâu năm) và quyền sở hữu mái che tole, cột kèo gỗ tiêu chuẩn, nền đất, diện tích 42,55m²; tường rào móng đá chẻ, trụ gạch kết hợp khung sắt hình cao 1,6m, dài 18,01m; tường rào móng đá chẻ, trụ bê tông cốt thép, lưới B40 cao 1,6m, dài 67,99m; 02 cây vú sữa, 01 cây chanh, 60 cây bưởi, 05 cây dừa, 03 cây xoài, 02 cây đu đủ và 30 bụi chuối trên đất được chia. Tổng giá trị hiện vật bà Nguyễn Thị Ngọc A được nhận là 526.321.300 đồng (ký hiệu thửa 397-1. Trích đo địa chính số 2784 – 2019 ngày 29/11/2019 kèm theo).

Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D (là người đang quản lý thửa đất số 397, tờ bản đồ số 5 xã S) phải có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc B diện tích đất và tài sản có trên đất được chia nêu trên sau khi bà Nguyễn Thị Ngọc B thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán của mình.

4. Về thanh toán chênh lệch:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải thanh toán cho:

(1) Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc D chi phí cho việc bảo quản di sản là 48.033.500 đồng và giá trị tài sản của ông A và bà D có trên đất là 46.021.300 đồng. Tổng cộng là 94.054.800 đồng (*Chín mươi bốn triệu không trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm đồng*).

(2) Ông Nguyễn Công T 10.591.300 đồng (*Mười triệu năm trăm chín mươi một ngàn ba trăm đồng*).

- Ông Nguyễn Ngọc A phải thanh toán cho:

(1) Bà Trương Thị H , ông Nguyễn Công Ch , bà Nguyễn Thị Tuyết Ng , ông Nguyễn Chánh Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H , mỗi người 84.335.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng*).

(2) Bà Nguyễn Thị Đ , ông Nguyễn Công Tr , ông Nguyễn Công B , ông Nguyễn Công T , bà Nguyễn Thị Mỹ L1, bà Nguyễn Thị Mỹ K , bà Nguyễn Thị Mỹ L , bà Nguyễn Thị Mỹ T , mỗi người 46.850.800 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng*).

(3) Ông Nguyễn Công T 36.261.500 đồng (*Ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi một ngàn năm trăm đồng*)..

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Ngọc B . Hoàn lại cho bà Bích 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0008348 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D , tỉnh Khánh Hòa.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Ngọc A. Hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc A 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007319 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D , tỉnh Khánh Hòa.

- Các ông, bà Nguyễn Thị Đ , Nguyễn Công Tr , Nguyễn Công B , Nguyễn Công T , Nguyễn Thị Mỹ L , Nguyễn Thị Mỹ K , Nguyễn Thị Mỹ L , Nguyễn Thị Mỹ T , Nguyễn Công T , mỗi người phải nộp 2.342.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các ông, bà Trương Thị H , Nguyễn Công Ch , Nguyễn Thị Tuyết Ng , Nguyễn Chánh Th , Nguyễn Thị Tuyết H , mỗi người phải nộp 4.216.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007320 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện D ;
- VKSND huyện D ;
- Chi cục THADS huyện D ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Viên